

恒元聯合法律事務所 EVER ONE LAW FIRM



稅務指南 AC-260702 Cẩm nang Thuế 2026-07-23

標題	第 255/2026/NĐ-CP 號議定之若干新內容
Tiêu đề	MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP
編撰	經理 阮維成 會計師
Người soạn	Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành
涉及範圍	關聯交易、關聯關係、移轉訂價、稅務管理、OECD、國別報告 (CbCR)、BEPS 第 13 項行動、商業資料庫、國家資料庫、全球合併營收、XML 電子申報、遵從管理、自願遵從、移轉訂價文據、企業所得稅
Phạm vi liên quan	Giao dịch liên kết, Quan hệ liên kết, Giá giao dịch liên kết, Quản lý thuế, OECD, Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR), Hành động BEPS 13, Cơ sở dữ liệu thương mại, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Doanh thu hợp nhất toàn cầu, Khai báo XML, Quản lý tuân thủ, Tuân thủ tự nguyện, Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết, Thuế thu nhập doanh nghiệp

第 255/2026/NĐ-CP 號議定之若干新內容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

2026 年 6 月 30 日，越南政府頒布第 255/2026/NĐ-CP 號議定，規定具有關聯關係之企業發生關聯交易時之稅務管理事宜（以下簡稱「本議定」）。本議定自 2026 年 7 月 1 日起生效，並自 2026 年度企業所得稅課稅年度起適用。

Ngày 30/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 255/2026/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết (Nghị định). Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2026.

本議定著重於簡化行政手續，確保與第 108/2025/QH15 號《稅務管理法》之規定一致，並與經濟合作暨發展組織（OECD）之國際標準相互銜接，同時符合其他相關法律規定。透過上述規定，本議定旨在建立透明且一致之法律框架，為從事關聯交易之納稅人創造有利條件，並降低其稅務遵從成本。

Nghị định tập trung vào việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm thống nhất với các quy định của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, đồng bộ với các tiêu chuẩn quốc tế của OECD và phù hợp với pháp luật có liên quan, qua đó xây dựng hành lang pháp lý minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế có giao dịch liên kết.

1. 關於第 255/2026/NĐ-CP 號議定第五條所規定之關聯關係

Về mối quan hệ liên kết Điều 5 Nghị Định 255-2026-NĐ-CP

1.1. 第 255/2026/NĐ-CP 號議定第五條第 2 款 1 點補充規定，透過借用、出借所形成之關聯關係，與透過借款、貸款所形成之關聯關係相類似，具體如下：「企業於課稅年度內，與管理、控制該企業之個人，或與具有本款 g 點所規定任一關係之個人，發生出資額之轉讓或受讓交易，且該交易涉及之出資額達該企業所有者出資額 25% 以上；或於課稅年度內交易發生時，借款、貸款、借用或出借之金額達該企業所有者出資額 10% 以上；」

Bổ sung mối quan hệ liên kết thông qua việc **mượn, cho mượn** tương tự như mối quan hệ liên kết vay, cho vay tại điểm 1 khoản 2 Điều 5 Nghị định như sau: “Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế; vay, cho vay, **mượn, cho mượn** ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc với cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản này;”.

此前，相關規定尚未將企業與管理、控制該企業之個人，或與具有本款所規定任一關係之個人之間，透過借用、出借所形成之關係認定為關聯關係。本次補充規定旨在解決實務執行過程中所產生之困難及障礙，確保關聯關係之認定完整、準確反映交易之實質，並提高稅務管理效能。

Trước đây chưa quy định mối quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp và cá nhân điều hành, kiểm soát hoặc cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ theo quy định thông qua việc **mượn, cho mượn**. Việc bổ sung quy định này nhằm khắc phục vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm việc xác định quan hệ liên kết đầy đủ, phản ánh đúng bản chất giao dịch và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

第 255/2026/NĐ-CP 號議定之若干新內容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

1.2. 補充第 255/2026/NĐ-CP 號議定第五條第 2 款 d.3 點所規定不適用關聯關係認定之情形，具體如下：
「債權人、保證人為由國家持有 100% 章程資本，並具有債務買賣及處理職能之組織，且未依本款 a 點及 c 點之規定，直接或間接參與債務人企業或受保證企業之經營管理、控制、出資或投資。」

Bổ sung trường hợp không áp dụng mối quan hệ liên kết quy định tại điểm d.3 khoản 2 Điều 5 Nghị định 255 như sau: “*Chủ nợ, bên bảo lãnh là tổ chức do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ không tham gia trực tiếp, gián tiếp điều hành, kiểm soát góp vốn, đầu tư vào doanh nghiệp bên nợ hoặc doanh nghiệp được bảo lãnh theo quy định tại điểm a và điểm c khoản này.*”.

此前尚無相關規定。本次補充規定旨在確保與實際情況相符，並符合關聯方認定之原則及實質。

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng nguyên tắc, bản chất về các bên có quan hệ liên kết.

2. 用於移轉訂價申報、分析及管理之資料庫（第十七條）

Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết (Điều 17)

2.1. 修正、補充第 108/2025/QH15 號《稅務管理法》第四條第 15 款所規定之商業資料庫，內容如下：

Sửa đổi, bổ sung cơ sở dữ liệu thương mại dẫn chiếu theo quy định tại khoản 15 Điều 4 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 như sau

商業資料庫係指由從事資料經營之組織蒐集、處理、標準化並於市場上提供之經濟、財務及商業資訊與數據之集合。

Cơ sở dữ liệu thương mại là tập hợp thông tin, số liệu kinh tế, tài chính và thương mại do các tổ chức kinh doanh dữ liệu thu thập, xử lý, chuẩn hóa và cung cấp trên thị trường.

本次修正、補充旨在確保規定之一致性、完整性，並符合第 108/2025/QH15 號《稅務管理法》之現行規定。

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ và phù hợp với quy định hiện hành của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

2.2. 補充規定國家資料庫得用於申報、確定及管理移轉訂價。

Bổ sung Cơ sở dữ liệu quốc gia được sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết.

稅務管理資料庫係以數位資料平台為基礎建置、發展及運作，並與國家資料庫系統、各部會及相關機關之資料庫、國際合作組織及相關組織之資料庫連接及同步。稅務管理機關有權依法律規定，蒐集、存取、使用及採購市場上現有之商業資料庫。

Cơ sở dữ liệu quản lý thuế được xây dựng, phát triển và vận hành trên nền tảng dữ liệu số, kết nối và đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, các tổ chức hợp tác quốc tế và tổ chức có liên quan. Cơ quan quản lý thuế được quyền thu thập, tiếp cận, sử dụng và mua sắm các cơ sở dữ liệu thương mại có sẵn trên thị trường theo quy định của pháp luật.

第 255/2026/NĐ-CP 號議定之若干新內容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

此前尚無相關規定。本次補充規定旨在擴大可靠資料庫之來源，以供納稅人及主管機關於申報、確定及管理移轉訂價時擷取及使用。

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm mở rộng nguồn cơ sở dữ liệu tin cậy để người nộp thuế, cơ quan chức năng khai thác, sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết.

2.3. 補充資料庫使用優先順序之規定，依下列次序辦理：(i) 優先使用公開發布之資料庫；(ii) 其次為商業資料庫；(iii) 最後為稅務機關之資料庫。資料庫優先順序之適用，應確保依規定遵守關聯交易分析及比較之原則。

Bổ sung quy định về thứ tự ưu tiên sử dụng cơ sở dữ liệu theo trình tự sau: (i) ưu tiên sử dụng cơ sở dữ liệu được công bố công khai; (ii) rồi đến cơ sở dữ liệu thương mại; (iii) và cuối cùng là cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế. Việc sử dụng thứ tự ưu tiên cơ sở dữ liệu phải đảm bảo nguyên tắc phân tích, so sánh giao dịch liên kết theo đúng quy định.

此前尚未規定資料庫之使用順序。本次補充規定旨在確保資料庫使用之一致性、公開性及透明度，從而減少在進行關聯交易分析及比較時，選擇與使用資料庫方面之差異。

Trước đây, chưa quy định thứ tự sử dụng cơ sở dữ liệu. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, công khai, minh bạch trong việc sử dụng cơ sở dữ liệu, qua đó giảm thiểu sự khác biệt trong việc lựa chọn và sử dụng cơ sở dữ liệu khi phân tích, so sánh giao dịch liên kết.

3. 關於國別報告之相關內容（第十九條）

Về nội dung liên quan đến Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (Điều 19)

3.1. 修正集團全球合併營收門檻之認定依據，以判定是否負有編製國別報告（CbCR）之義務；該門檻係依據報告年度之前一會計年度之集團全球合併營收確定。

Sửa đổi căn cứ xác định ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu để xác định nghĩa vụ lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) căn cứ theo doanh thu của năm tài chính liền kề trước năm báo cáo.

此前，集團全球合併營收門檻係依據課稅年度內之集團全球合併營收確定。本次修正旨在確保符合OECD於BEPS第13項行動中之指引。

Trước đây, ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu được căn cứ theo doanh thu hợp nhất toàn cầu trong kỳ tính thuế. Việc sửa đổi quy định này nhằm bảo đảm phù hợp với hướng dẫn của OECD tại Hành động BEPS 13.

3.2. 將編製國別報告之集團全球合併營收門檻修正為相當於7.5億歐元以上之金額。

Sửa đổi ngưỡng doanh thu lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo mức tương đương từ 750 triệu Euro.

此前，編製國別報告（CbCR）之營業收入門檻為18兆越南盾以上。本次修正旨在配合匯率變動，並確保符合OECD於BEPS第13項行動中之指引。

Trước đây, ngưỡng doanh thu lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) là từ 18.000 tỷ đồng trở lên. Việc sửa đổi quy định này để phù hợp với biến động tỷ giá, đồng thời bảo đảm theo hướng dẫn của OECD tại Hành động BEPS 13.

第 255/2026/NĐ-CP 號議定之若干新內容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

3.3. 補充集團全球合併營收門檻之匯率換算規定；對於記帳本位幣非美元之情形，統一按照越南國家銀行公布之相關會計年度 12 月份中央匯率或交叉匯率平均值進行換算。

Bổ sung quy định về tỷ giá quy đổi ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu thống nhất theo tỷ giá trung tâm hoặc trung bình tỷ giá tính chéo của tháng 12 năm tài chính đối với hạch toán không dùng USD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

此前尚無相關規定。本次補充旨在確保與第 236/2025/NĐ-CP 號議定關於依全球稅基侵蝕防制規定適用補充企業所得稅之規定保持一致。

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm thống nhất với quy định tại Nghị định số 236/2025/NĐ-CP về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

3.4. 補充、修正納稅人無須在越南提交國別報告之情形

Bổ sung, sửa đổi các trường hợp người nộp thuế **không** phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia tại Việt Nam

(i) 明確規定，如國別報告已依主管機關協議自動交換予越南稅務機關，納稅人無須在越南另行提交該國別報告；

Quy định rõ trường hợp người nộp thuế không phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia khi Báo cáo đã được trao đổi tự động cho cơ quan thuế Việt Nam theo Thỏa thuận của Nhà chức trách có thẩm quyền;

(ii) 修正並釐清由代理申報實體代為提交國別報告之情形，並將其明定為越南納稅人無須另行提交國別報告之情形之一；同時調整並釐清該代理申報機制之適用條件；

Sửa đổi, làm rõ quy định về trường hợp tổ chức thay mặt nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo hướng xác định đây là một trong các trường hợp người nộp thuế tại Việt Nam không phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia; đồng thời điều chỉnh, làm rõ các điều kiện áp dụng cơ chế này;

(iii) 補充因各國家、地區在營業收入門檻、換算貨幣或營業收入確定原則方面存在差異，而無須在越南提交國別報告（CbCR）之情形。

Bổ sung trường hợp không phải nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam do sự khác biệt về ngưỡng doanh thu, đồng tiền quy đổi hoặc nguyên tắc xác định doanh thu giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ.

此前，相關規定尚未完整確定無須在越南提交國別報告（CbCR）之各種情形，且尚未規定若干例外情形。修正、補充上述規定，旨在確保與國際指引一致，提高透明度，並降低納稅人之遵從成本。

Trước đây, quy định chưa xác định đầy đủ các trường hợp không phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia CbCR tại Việt Nam và chưa có quy định về một số trường hợp ngoại lệ. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định này nhằm bảo đảm thống nhất với hướng dẫn quốc tế, tăng tính minh bạch và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

3.5. 補充、修正納稅人須在越南提交國別報告（CbCR）之情形

Bổ sung, sửa đổi các trường hợp người nộp thuế **phải** nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) tại Việt Nam

第 255/2026/NĐ-CP 號議定之若干新內容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

(i) 補充規定，如最終母公司在其稅務居民所在國無編製及提交國別報告之義務，則越南納稅人須在越南提交國別報告（CbCR）；

Bổ sung trường hợp người nộp thuế tại Việt Nam phải nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) khi Công ty mẹ tối cao không có nghĩa vụ lập và nộp Báo cáo tại nước cư trú;

(ii) 補充規定，如不符合代理申報機制之適用條件，越南納稅人應向稅務機關履行國別報告（CbCR）申報義務；

Bổ sung quy định đối với trường hợp không đáp ứng các điều kiện áp dụng cơ chế tổ chức thay mặt nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR), theo đó người nộp thuế tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) cho cơ quan thuế;

(iii) 修正關於發生未能系統性進行資訊交換之情形時，在越南產生提交國別報告（CbCR）義務之規定；同時補充規定，僅在該情形已通知納稅人時，始產生國別報告申報義務；

Sửa đổi quy định về trường hợp phát sinh nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam khi xảy ra tình trạng không thực hiện trao đổi thông tin một cách hệ thống; đồng thời bổ sung điều kiện nghĩa vụ nộp Báo cáo chỉ phát sinh khi tình trạng này đã được thông báo cho người nộp thuế;

(iv) 補充原則，僅在越南符合資訊保密、一致性及依正確目的使用資訊等要求時，納稅人才須在越南提交國別報告（CbCR）；同時規定，稅務機關有責任在稅務部門電子資訊網站上公開其符合上述條件之情況。

Bổ sung nguyên tắc người nộp thuế chỉ phải nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam khi Việt Nam đáp ứng các yêu cầu về bảo mật thông tin, tính nhất quán và sử dụng thông tin đúng mục đích; đồng thời quy định trách nhiệm công khai việc đáp ứng các điều kiện này trên Trang thông tin điện tử của ngành Thuế.

此前，尚未完整規定在越南產生提交國別報告（CbCR）義務之各種情形。本次修正、補充旨在確保具有完整之法律依據，以確定在越南提交國別報告（CbCR）之義務；同時確保納稅人能夠充分取得相關資訊，並提高確定國別報告（CbCR）提交義務之透明度。

Trước đây, chưa quy định đầy đủ về các trường hợp phát sinh nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam. Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ để xác định nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam, đồng thời bảo đảm người nộp thuế được tiếp cận đầy đủ thông tin và nâng cao tính minh bạch trong việc xác định nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR).

3.6. 補充關於國別報告（CbCR）格式及提交方式之規定，報告應採用經加密之 XML 電子申報格式，並透過稅務管理資訊系統提交。

Bổ sung quy định về định dạng và phương thức nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) theo định dạng XML đã được mã hóa, nộp qua Hệ thống thông tin quản lý thuế.

此前尚無相關規定。本次補充旨在依照 BEPS 第 13 項行動之標準執行。

第 255/2026/NĐ-CP 號議定之若干新內容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm thực hiện theo tiêu chuẩn của Hành động BEPS 13.

3.7. 補充、完善國別報告 (CbCR) 提交期限及國別報告申報主體通知之規定

Bổ sung, hoàn thiện quy định về thời hạn nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)**, về Thông báo đối tượng nộp Báo cáo CbCR

(i) 國別報告 (CbCR) 之提交期限，最遲為自報告年度之最終母公司會計年度結束之日起 12 個月。

Thời hạn nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)** chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Công ty mẹ tối cao của năm báo cáo.

(ii) 補充規定，越南納稅人經最終母公司指定為國別報告代理申報實體時，應承擔相關責任，包括編製及提交國別報告 (CbCR)，並向稅務機關提交通知國別報告提交主體之文件及所附指定文件；

Bổ sung quy định trách nhiệm của người nộp thuế tại Việt Nam khi được Công ty mẹ tối cao chỉ định là tổ chức thay mặt nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)**, bao gồm trách nhiệm lập, nộp Báo cáo CbCR và gửi Thông báo về đối tượng nộp Báo cáo CbCR kèm theo văn bản chỉ định cho cơ quan thuế;

(iii) 補充國別報告 (CbCR) 提交主體通知之表格，並依本議定所附第 01/TB-BCLN 號表格向稅務機關提交。

Bổ sung mẫu Thông báo về đối tượng nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)** được nộp cho cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TB-BCLN ban hành kèm theo Nghị định.

(iv) 國別報告 (CbCR) 申報主體通知，僅須於首次產生與國別報告 (CbCR) 有關之義務時提交一次（自本議定生效之日起）。通知之提交期限，最遲為報告年度之最終母公司會計年度結束之日。如最近一次已提交之通知所載資訊發生變更，包括終止提交國別報告 (CbCR) 義務之情形，納稅人有責任自變更發生之日起最遲九十（90）日內，向稅務機關提交通知以更新資訊。

Thông báo về đối tượng nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)** chỉ phải nộp một (01) lần khi lần đầu phát sinh nghĩa vụ liên quan đến Báo cáo CbCR (kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành). Thời hạn nộp Thông báo chậm nhất là ngày kết thúc năm tài chính của Công ty mẹ tối cao của năm báo cáo. Trường hợp có thay đổi thông tin tại Thông báo đã nộp gần nhất, bao gồm cả trường hợp chấm dứt nghĩa vụ nộp Báo cáo CbCR, người nộp thuế có trách nhiệm nộp Thông báo để cập nhật thông tin cho cơ quan thuế chậm nhất chín mươi (90) ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

此前，尚未統一規定通知表格、一次性提交原則及資訊發生變更時之更新要求。本次補充、完善相關規定，旨在規範與國別報告 (CbCR) 有關之通知義務，確保執行過程之透明度及一致性，為納稅人提供便利並降低其遵從成本。

Trước đây, chưa quy định thống nhất về mẫu Thông báo, nguyên tắc nộp một lần và cập nhật thông tin khi có thay đổi. Việc bổ sung, hoàn thiện quy định này nhằm chuẩn hóa nghĩa vụ thông báo liên quan đến Báo cáo CbCR, bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong thực hiện, tạo thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

4. 關於移轉訂價文據編製豁免之情形（第二十條第 2 款 c 點）

第 255/2026/NĐ-CP 號議定之若干新內容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

Về trường hợp miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết (điểm c khoản 2 Điều 20)

將納稅人之營業收入門檻提高至低於 5,000 億越南盾，同時在認定納稅人是否屬於移轉訂價文據編製豁免之對象時，刪除「從事功能簡單之經營活動」之條件。

Điều chỉnh nâng ngưỡng doanh thu của người nộp thuế lên mức dưới 500 tỷ đồng, đồng thời bỏ tiêu chí “*kinh doanh với chức năng đơn giản*” khi xác định người nộp thuế thuộc đối tượng được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

此前，移轉訂價文據編製豁免之規定要求納稅人須同時符合以下 04 項條件：((i) 從事功能簡單之經營活動；(ii) 未因無形資產之開發、利用或使用而產生收入或支出；(iii) 營業收入低於 2,000 億越南盾；(iv) 各具體領域之營業利益率達到以下標準)。

Trước đây, quy định miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết yêu cầu người nộp thuế phải đáp ứng đồng thời 04 tiêu chí ((i) kinh doanh với chức năng đơn giản; (ii) không phát sinh doanh thu, chi phí, sử dụng tài sản vô hình; (iii) có ngưỡng doanh thu dưới 200 tỷ đồng; (iv) đạt tỷ suất lợi nhuận thuần đối với từng lĩnh vực cụ thể như sau).

- 經銷：5%以上；
- Phân phối: Từ 5% trở lên;
- 製造：10%以上；
- Sản xuất: Từ 10% trở lên;
- 加工：15%以上。
- Gia công: Từ 15% trở lên

提高營業收入門檻並刪除「從事功能簡單之經營活動」之條件，旨在擴大得移轉訂價文據編製豁免之低稅務風險納稅人範圍，簡化適用條件，為納稅人提供便利並降低其遵從成本。

Việc nâng ngưỡng doanh thu, đồng thời bỏ tiêu chí “*kinh doanh với chức năng đơn giản*” nhằm mở rộng đối tượng người nộp thuế có rủi ro thấp về thuế được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết, đơn giản hóa điều kiện áp dụng, tạo thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

5. 關於稅務機關在移轉訂價管理中之責任及權限（第二十一條）

Về trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế trong quản lý giá giao dịch liên kết (Điều 21)

5.1. 補充不得使用納稅人之國別報告（CbCR）調整或核定關聯交易價格之規定（第二十一條第 1 款 c 點）

Bổ sung quy định không sử dụng Báo cáo CbCR của người nộp thuế để **điều chỉnh, ấn định** giá giao dịch liên kết (điểm c khoản 1 Điều 21)

此前，相關規定僅規定不得使用納稅人之國別報告（CbCR）核定關聯交易價格，未規定不得據以進行調整。

第 255/2026/NĐ-CP 號議定之若干新內容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

Trước đây, quy định không sử dụng Báo cáo CbCR của người nộp thuế để **án định** giá giao dịch liên kết chứ không nói đến **không được điều chỉnh**.

5.2. 補充稅務機關對從事關聯交易之納稅人進行遵從管理及提供支援之責任規定（第二十一條第 10 款）

Bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc quản lý tuân thủ và hỗ trợ người nộp thuế có giao dịch liên kết (khoản 10 Điều 21)

目前，稅務管理工作正由「風險管理」模式（著重於發現違規，並於發現違規後進行稽查及處罰）轉向「遵從管理及遵從支援」模式。此一模式以納稅人為中心，由稅務機關陪同並支援納稅人正確履行義務。因此，本議定補充有關自願遵從支援之規定，以符合現代稅務管理改革趨勢，即在風險管理基礎上加強遵從管理、提高透明度，並鼓勵納稅人自願遵守稅法。具體內容規定於本議定第二十一條第 10 款如下：

Hiện nay, công tác quản lý thuế đang có sự chuyển dịch mô hình từ "quản lý rủi ro" (tập trung vào phát hiện sai phạm, thanh tra xử phạt sau khi phát hiện sai phạm) sang mô hình "quản lý tuân thủ và hỗ trợ tuân thủ". Đây là mô hình lấy người nộp thuế làm trung tâm, cơ quan thuế đồng hành, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện đúng nghĩa vụ. Do đó, Nghị định bổ sung quy định về hỗ trợ tuân thủ tự nguyện để phù hợp với xu hướng cải cách quản lý thuế hiện đại về tăng cường quản lý tuân thủ trên cơ sở quản lý rủi ro, nâng cao tính minh bạch và khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ pháp luật thuế. Nội dung cụ thể quy định tại khoản 10 Điều 21 Nghị định như sau:

(i) 稅務機關應在風險管理基礎上，針對從事關聯交易之企業，制定並組織實施納稅人自願遵從支援計畫，並應符合稅務資料庫系統之因應能力及稅務管理法律之規定。

Cơ quan thuế xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ tự nguyện đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết trên cơ sở quản lý rủi ro, phù hợp với khả năng đáp ứng của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế và quy định của pháp luật về quản lý thuế.

(ii) 稅務機關應依據納稅人之申報資料，按各領域、地區或納稅人群組公布產業獲利指標，以支援納稅人依獨立交易原則進行申報及確定關聯交易價格。

Cơ quan thuế căn cứ dữ liệu kê khai của người nộp thuế công bố tỷ suất lợi nhuận ngành theo từng lĩnh vực, địa bàn hoặc nhóm người nộp thuế để hỗ trợ người nộp thuế kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo nguyên tắc giao dịch độc lập.

(iii) 納稅人參加自願遵從支援計畫時，稅務機關應支援納稅人提高遵從程度，並降低其在申報及確定關聯交易價格方面之風險。

Cơ quan thuế hỗ trợ người nộp thuế nâng cao tính tuân thủ, giảm rủi ro trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết khi người nộp thuế tham gia chương trình hỗ trợ tuân thủ tự nguyện.

(iv) 稅務機關有責任依法律規定，對納稅人參加自願遵從支援計畫時所提供之資訊及資料予以保密。

Cơ quan thuế có trách nhiệm bảo mật thông tin, dữ liệu do người nộp thuế cung cấp khi tham gia chương trình hỗ trợ tuân thủ tự nguyện theo quy định của pháp luật.



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



No.190, Le Niem St., Phu Thanh Ward, HCMC, VN

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com



G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, HaNoi, VN

☎ M +84 908 398 199

✉ business@everwin-group.com



廣州市天河區金穗路 8 號 - 星匯國際大廈 22 樓
F22 號房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ service@everwin-group.cn

www.everwin-group.com

www.everwin-group.cn

Think for you Do for you
為您思考 用心服務

